

**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG - TỈNH TIỀN GIANG**

Phần I: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

I. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:

Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực trong năm 2020 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đáp ứng được số lượng, chất lượng đất đai cho nhu cầu sử dụng đất của các ngành, doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân... nhằm thực hiện nâng cao năng suất và sản lượng trên một đơn vị diện tích, đảm bảo sử dụng đất đai lâu bền, hiệu quả.

Bảng 01: Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2018 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2019 (ha)	Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2020 so với 2019		
					Diện tích năm 2019 (ha)	So sánh		Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)/(5)*100%	(9)	(10)=(9)-(6)	(11)=(9)/(6)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên		27.324,33	27.324,33	27.324,33		100,00	27.324,33		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	18.982,82	18.813,56	18.887,78	74,22	100,39	18.721,69	-166,09	99,12
1.1	Đất trồng lúa	LUA	10.729,46	10.668,27	10.611,67	-56,60	99,47	10.373,87	-237,80	97,76
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.227,21	2.220,62	2.294,49	73,87	103,33	2.388,51	94,02	104,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.188,93	2.209,58	2.220,06	10,48	100,47	2.326,93	106,87	104,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	495,24	388,14	438,31	50,16	112,92	320,12	-118,19	73,03
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.341,97	3.326,95	3.323,25	-3,70	99,89	3.308,25	-15,00	99,55
1.8	Đất làm muối	LMU								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH						4,02	4,02	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.933,96	7.103,21	7.029,00	-74,22	98,96	7.195,08	166,09	102,36
2.1	Đất quốc phòng	CQP	111,74	111,74	111,74		100,00	111,74		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,00	2,00	2,00		100,00	2,00		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	298,70	298,70	284,93	-13,77	95,39	284,15	-0,78	99,73
2.4	Đất khu chế xuất	SKT								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		100,00	50,00	-50,00	50,00	111,75	61,75	223,50
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,01	20,94	27,45	6,51	131,07	96,65	69,20	352,10
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	72,95	106,40	102,66	-3,73	96,49	106,77	4,11	104,00
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.233,48	1.248,70	1.242,90	-5,81	99,54	1.254,99	12,10	100,97
2.9.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,39	3,84	6,48	2,64	168,76	6,74	0,26	104,01
2.9.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH								

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2018 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2019 (ha)	Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2020 so với 2019		
					Diện tích năm 2019 (ha)	So sánh		Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)/(5)*100%	(9)	(10)=(9)-(6)	(11)=(9)/(6)*100%
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,03	4,03	4,03		100,00	4,03		100,00
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	35,35	36,28	34,59	-1,70	95,33	36,04	1,45	104,19
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	10,97	10,52	10,92	0,40	103,80	9,06	-1,87	82,92
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.9.7	Đất giao thông	DGT	450,98	465,27	458,13	-7,15	98,46	470,47	12,34	102,69
2.9.8	Đất thủy lợi	DTL	725,04	725,04	725,04		100,00	724,95	-0,09	99,99
2.9.9	Đất công trình năng lượng	DNL	0,19	0,19	0,19		100,00	0,19		100,00
2.9.10	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,51	0,51	0,51		100,00	0,51		100,00
2.9.11	Đất chợ	DCH	3,01	3,01	3,01		100,00	3,01		100,00
2.9.12	Đất công trình công cộng khác	DCK								
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,13	2,13	2,13		100,00	5,93	3,80	278,37
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,45	2,45	2,45		100,00	2,45		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	728,38	735,52	731,12	-4,40	99,40	756,04	24,92	103,41
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	82,58	83,53	83,49	-0,04	99,95	84,50	1,00	101,20
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,35	11,37	11,35	-0,02	99,87	11,23	-0,12	98,94
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,20	0,20	0,20		100,00	0,32	0,12	159,16
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	11,67	11,67	11,67		100,00	11,80	0,12	101,05
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	107,93	107,93	107,88	-0,06	99,95	107,88		100,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX								
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,10	5,64	3,26	-2,38	57,87	3,26	0,00	100,01
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,58	9,58	9,58		100,00	9,58		100,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	12,53	12,53	12,53		100,00	12,50	-0,03	99,76
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.229,90	4.229,42	4.229,38	-0,04	100,00	4.218,79	-10,59	99,75
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,26	2,74	2,26	-0,48		2,74	0,48	121,22
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.407,55	1.407,55	1.407,55		100,00	1.407,55		100,00
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN								
5	Đất khu kinh tế*	KKT								
6	Đất đô thị*	KDT	1.075,03	1.075,03	1.075,03					

*Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

1. Đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn huyện Gò Công Đông là 18.721,69 ha, chiếm 68,52% tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết các loại đất sau:

1.1. Đất trồng lúa:

Diện tích đất lúa trên địa bàn huyện năm 2019 là 10.611,67 ha. Diện tích tính phân bổ 10.231,09 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 10.018,40 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 10.373,87 ha, chiếm 55,41% diện tích đất nông nghiệp, giảm 237,80 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 142,78 ha so với tính phân bổ, tăng 355,47 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất trồng lúa giảm 237,80 ha do chuyển sang các mục đích khác, cụ thể:

- Chuyển nội bộ trong đất nông nghiệp: 215,75 ha, trong đó chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác (106,50 ha), đất trồng cây lâu năm (109,00 ha), đất nông nghiệp khác (0,25 ha).

- Chuyển sang đất phi nông nghiệp: 22,05 ha, trong đó:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ: 0,32 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,07 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 6,90 ha;
- + Chuyển sang đất có di tích lịch sử văn hoá: 3,59 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 8,71 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,47 ha.

Diện tích đất trồng lúa phân bổ hầu hết trên địa bàn các xã, thị trấn. Tập trung nhiều ở các xã: Tăng Hòa (1.113,75 ha), Kiểng Phước (1.160,82 ha), Tân Điền (1.152,17 ha), Phước Trung (1.146,22 ha), Tân Thành (1.257,14 ha).

1.2. Đất trồng cây hàng năm:

Diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn huyện năm 2019 là 2.294,49 ha. Diện tích tính phân bổ 2.106,42 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 2.348,36 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 2.388,51 ha, chiếm 12,76% diện tích đất nông nghiệp, tăng 94,02 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 282,09 ha so với tính phân bổ, tăng 40,15 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Diện tích năm 2020 tăng 106,50 ha do đất trồng lúa chuyển sang. Ngoài ra giảm do đất trồng cây hàng năm chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang đất trồng cây lâu năm (5,05 ha), chuyển sang đất nông nghiệp khác (0,45 ha) và chuyển sang đất phi nông nghiệp (6,98 ha). Vậy diện tích đất cây hàng năm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thực tăng 94,02 ha so với hiện trạng năm 2019.

Diện tích đất trồng cây hàng năm được phân bổ hầu hết ở các xã, thị trấn nhưng tập trung nhiều ở xã: Tân Tây (439,01 ha), Tân Đông (269,61 ha), Tân Điền (255,29 ha), Tân Thành (382,03 ha), Bình Nghi (169,67 ha).

1.3. Đất trồng cây lâu năm:

Diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện năm 2019 là 2.220,06 ha. Diện tích tình phân bổ 648,72 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 2.189,22 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 2.326,93ha, chiếm 12,43% diện tích đất nông nghiệp, tăng 106,87 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 1.678,21 ha so với tình phân bổ, tăng 137,71 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất trồng cây lâu năm tăng 114,05 ha bao gồm: Do đất trồng lúa chuyển sang (109 ha), đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang (5,05 ha). Ngoài ra đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,31 ha; chuyển sang đất phi nông nghiệp 6,87 ha cụ thể như sau:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ: 1,79 ha.
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,17 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 1,95 ha;
- + Chuyển sang đất có di tích - lịch sử văn hóa: 0,15 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 1,42 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,33 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo: 0,04 ha;
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,01 ha.

Vì vậy diện tích đất trồng cây lâu năm trong kế hoạch năm 2020 thực tăng 106,87 ha so với hiện trạng năm 2019.

Diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện phân bố hầu hết trên địa bàn các xã, thị trấn. Phân bố nhiều trên địa bàn các xã Kiểng Phước (366,95 ha), Tân Điền (145,70 ha), Tân Đông (182,78 ha), Bình Ân (325,70 ha), Bình Nghị (256,57 ha), Phước Trung (292,29 ha), Tân Thành (236,66 ha).

1.4. Đất rừng phòng hộ:

Diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện năm 2019 là 438,31 ha. Diện tích tình phân bổ 1.431,00 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 1.431,00 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 320,12 ha, chiếm 1,71% diện tích đất nông nghiệp, giảm 118,19 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 1.110,88 ha so với tình phân bổ, giảm 1.110,88 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất rừng phòng hộ giảm 118,19ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp và đất thương mại dịch vụ. Diện tích đất rừng phòng hộ phân bố chủ yếu trên địa bàn thị trấn Vàm Láng (17,24 ha) và địa bàn các xã: Tăng Hòa (20,20 ha), Tân Phước (60,95 ha), Gia Thuận (123,55 ha), Kiểng Phước (10,86 ha), Tân Điền (14,30 ha), Phước Trung (23,08 ha) và Tân Thành (49,94 ha).

1.5. Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện năm 2019 là 3.323,25 ha. Diện tích tính phân bổ 3.531,08 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 2.775,31 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 3.308,25 ha, chiếm 17,67% diện tích đất nông nghiệp, giảm 15,00 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 222,84 ha so với tính phân bổ, tăng 532,93 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 15,00 ha do chuyển sang các loại đất như sau:

- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác: 3,01 ha
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 0,48 ha;
- + Chuyển sang đất ở nông thôn: 11,43 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị: 0,08 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bổ hầu hết ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, tập trung nhiều trên địa bàn xã Tân Phước (114,66 ha), xã Kiểng Phước (319,48 ha), xã Phước Trung (146,71 ha) và nhiều nhất trên địa bàn xã Tân Thành (2.586,13 ha).

1.6. Đất nông nghiệp khác:

Diện tích đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện năm 2019 không có. Diện tích tính phân bổ 8,42 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 8,42 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 4,02 ha, tăng 4,02 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 4,40 ha so với tính phân bổ, giảm 4,40 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất nông nghiệp khác tăng 4,02 ha do dự kiến chuyển mục đích khu nuôi trồng thủy sản ở xã Kiểng Phước sang đất nông nghiệp khác diện tích 3,01 ha (*tuy nhiên việc chuyển mục đích sử dụng đất này không thuộc trường hợp phải xin phép nhưng không phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt*). Và dự báo cho nhu cầu phát triển nuôi chim yến theo Quy hoạch khu, vùng nuôi chim yến tập trung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (trong đó có các xã Bình Nghị, Bình Ân, Tân Đông, Phước Trung, Tăng Hoà thuộc huyện Gò Công Đông).

2. Đất phi nông nghiệp: Nhằm đáp ứng yêu cầu cho xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông, thương mại - dịch vụ, các công trình nhà ở,... đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất phi nông nghiệp là 7.195,08 ha, chiếm 26,33% tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện Gò Công Đông. Năm 2020 thực tăng 166,09 ha so với hiện trạng năm 2019 (diện tích năm 2019 là 7.029,00 ha). Và diện tích các loại đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể như sau:

2.1. Đất quốc phòng

Diện tích đất quốc phòng trên địa bàn huyện năm 2019 là 111,74 ha. Diện tích tính phân bổ 42,39 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch 42,39 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 111,74 ha, chiếm 1,55% diện tích đất phi nông

ngiệp. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, tăng 69,35 ha so với tình phân bổ, tăng 69,35 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Bảng 02: Danh mục công trình đất quốc phòng

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	SCH phía trước BĐBP	Hiện trạng đã có	1,50	xã Gia Thuận
2	Sở chỉ huy thống nhất huyện ((ấp 5-Tân Tây); SCH phía sau huyện)	Chuyển sau năm 2020	1,50	xã Tân Tây
3	Cụm điểm tựa Gò Công/tỉnh	Chuyển sau năm 2020	0,50	xã Tân Tây
4	Trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu	Hiện trạng đã có	0,28	xã Kiểng Phước
5	CCchđ/ Đồn 578 Biên phòng (CTPT/ĐBP)	Chuyển sau năm 2020	1,50	xã Tân Đông
6	Căn cứ chiến đấu huyện ((Gò Me - Bình Ân) SCH phía trước huyện)	Chuyển sau năm 2020	1,00	xã Bình Ân
7	Cụm điểm tựa Gò Công/tỉnh	Chuyển sau năm 2020	0,50	xã Bình Ân
8	Sở chỉ huy cơ bản quân sự huyện (ấp Thanh Nhung-Phước Trung)	Chuyển sau năm 2020	2,00	xã Phước Trung
9	SCH cơ bản BĐBP tỉnh	Chuyển sau năm 2020	1,50	xã Phước Trung
10	CCchđ/ Đồn Biên phòng 582 (CTPT/ĐBP)	Chuyển sau năm 2020	1,50	xã Tân Thành

2.2. Đất an ninh

Diện tích đất an ninh trên địa bàn huyện năm 2019 là 2,00 ha. Diện tích tình phân bổ 4,37 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 4,37 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 2,00 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 2,36 ha so với tình phân bổ, giảm 2,36 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Bảng 03: Danh mục công trình đất an ninh

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Công an thị trấn Tân Hòa	Chuyển sau năm 2020	0,60	Thị trấn Tân Hòa
2	Mở rộng trụ sở công an huyện Gò Công Đông	Chuyển sau năm 2020	2,50	Thị trấn Tân Hòa

2.3. Đất khu công nghiệp

Diện tích đất khu công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2019 là 284,93 ha. Diện tích tình phân bổ 298,70 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 298,70 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 284,15 ha, chiếm 3,95% diện

tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2020 giảm 0,78 ha so với hiện trạng năm 2019 (do dự kiến mở rộng đường huyện 10 và cầu phục vụ phát triển khu công nghiệp phía Đông), giảm 14,55ha so với tình phân bổ, giảm 14,55 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

2.4. Đất cụm công nghiệp

Diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2019 là 50,00 ha. Diện tích tình phân bổ 150,00 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch 100,00 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 111,75 ha, chiếm 1,55% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 61,75 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 38,25 ha so với tình phân bổ, tăng 11,75 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tăng 61,75 ha sử dụng từ đất rừng phòng hộ. Do kế hoạch thực hiện cụm công nghiệp Gia Thuận 2.

2.5. Đất thương mại, dịch vụ

Diện tích đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện năm 2019 là 27,45 ha. Diện tích tình phân bổ 45,36 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 97,53 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 96,65ha, chiếm 1,34% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 69,20 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 51,29 ha so với tình phân bổ, giảm 0,89 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tăng 69,28 ha sử dụng từ đất trồng lúa (0,32 ha), đất trồng cây hàng năm khác (0,62 ha), đất trồng cây lâu năm (1,79 ha), đất rừng phòng hộ 56,44 ha, đất sông rạch 10,11 ha. Ngoài ra, diện tích đất còn giảm 0,08 ha do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy diện tích đất thương mại, dịch vụ thực tăng so với năm 2019 là 69,20 ha.

Bảng 04: Danh mục công trình đất thương mại dịch vụ

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đất thương mại dịch vụ và đất ở cấp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,.. đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	Đất thương mại dịch vụ và đất ở cấp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,.. đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	1,73	các xã, thị trấn
2	Không có	Dự án trong lĩnh vực bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ	66,55	Xã Gia Thuận
3	Siêu thị Tân Tây	Siêu thị Tân Tây	1,00	xã Tân Tây
4	Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành - Hàng Dương	Chuyển sau năm 2020	64,00	xã Tân Thành
5	Khu thương mại - dịch vụ của đô thị (phía Bắc bờ sông Cần Lộc)	Chuyển sau năm 2020	3,36	thị trấn Vàm Láng
6	Du lịch - nghỉ dưỡng	Chuyển sau năm 2020	7,60	thị trấn Tân Hoà

2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện năm 2019 là 102,66 ha. Diện tích tinh phân bổ 568,85 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 137,19 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 106,77 ha, chiếm 1,48% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 4,11 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 462,07 ha so với tinh phân bổ, giảm 30,42 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tăng 4,29 ha sử dụng từ đất trồng lúa (2,07 ha), đất trồng cây hàng năm khác (1,05 ha), đất trồng cây lâu năm (1,17 ha). Ngoài ra, diện tích đất còn giảm 0,18 ha do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng so với năm 2019 là 4,11 ha.

Bảng 05: Danh mục công trình đất sản xuất phi nông nghiệp

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đất sản xuất kinh doanh và đất ở cặp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,... đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	Đất sản xuất kinh doanh và đất ở cặp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,... đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	4,29	các xã, thị trấn
2	Cty cấp nước huyện Gò Công Đông (mở rộng ao chứa nước sau ủy ban xã)	Chuyển sau năm 2020	0,14	Xã Gia Thuận
3	Làng nghề tập trung (dọc theo rạch Cần Lộc)	Chuyển sau năm 2020	12,01	TT Vàm Láng
4	Tuyến tiểu thủ công nghiệp cặp ĐH.02	Chuyển sau năm 2020	8,94	Xã Bình Nghi

2.7. Đất phát triển hạ tầng

Diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện năm 2019 là 1.242,90 ha. Diện tích tinh phân bổ 1.550,84 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 1.282,44 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 1.254,99 ha, chiếm 17,44% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 12,10 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 295,85 ha so với tinh phân bổ, giảm 27,44 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt. Cụ thể các loại đất sau:

* Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Diện tích năm 2019 là 6,48 ha. Diện tích tinh phân bổ 8,08 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 3,72 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 6,74 ha, chiếm 0,54% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 0,26 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 1,34 ha so với tinh phân bổ, tăng 3,02 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất cơ sở văn hóa tăng 0,26 ha được sử dụng từ đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao chuyển sang do thực hiện

công trình Trung tâm văn hóa thể thao thị trấn Vàm Láng. **(Ghi chú: công trình này không có đăng ký trong danh mục điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt).**

*** Đất xây dựng cơ sở y tế**

Diện tích năm 2019 là 4,03 ha. Diện tích tình phân bổ 7,88 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch 4,03 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 4,03 ha, chiếm 0,32% diện tích đất phát triển hạ tầng, diện tích năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 3,86 ha so với tình phân bổ, phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020.

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Diện tích năm 2019 là 34,59 ha. Diện tích tình phân bổ 51,41 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 36,38 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 36,04 ha, chiếm 2,87% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 1,45 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 15,37 ha so với tình phân bổ, giảm 0,35 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 dự kiến thực hiện công trình trường tiểu học thị trấn Tân Hòa diện tích 1,20 ha được sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác **(công trình này phù hợp với danh mục điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt)**. Và mở rộng trường Trung học Đoàn Hồng Phước thuộc thị trấn Vàm Láng diện tích 0,25 ha được sử dụng từ đất cơ sở thể dục - thể thao **(công trình này không có đăng ký trong danh mục điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt)**.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao**

Diện tích năm 2019 là 10,92 ha. Diện tích tình phân bổ 34,00 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 10,52 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 9,06 ha, chiếm 0,72% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2020 giảm 1,87 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 24,95 ha so với tình phân bổ, giảm 1,47 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao giảm 1,87 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,26 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,25 ha, đất ở nông thôn 1,36 ha.

*** Đất giao thông**

Diện tích năm 2019 là 458,13ha. Diện tích tình phân bổ 680,05 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 486,98 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 470,47 ha, chiếm 37,49% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 12,34ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 209,58 ha so với tình phân bổ, giảm 16,51 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất giao thông tăng 12,34 ha do dự kiến thực hiện công trình như sau:

Bảng 06: Danh mục công trình đất giao thông

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
	ĐƯỜNG TỈNH - HUYỆN			
1	Đường tỉnh 871	Chuyển sau năm 2020	3,56	TT Vàm Láng, xã Kiểng Phước, Tân Đông, Tân Tây
2	Đường tỉnh 873B (nâng cấp, MR từ ĐH 01)	Chuyển sau năm 2020	2,60	xã Tân Phước, Tân Tây
3	Đường tỉnh 871C	Chuyển sau năm 2020	5,05	xã Bình Ân, Tân Điền
4	Đường tỉnh 862	Chuyển sau năm 2020	6,98	xã Tăng Hòa, Phước Trung, Tân Thành
5	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến đường tỉnh 873B)	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước (ĐT873B))	0,54	xã Tân Phước
6	Không có	Mở rộng đường huyện 10 và cầu phục vụ phát triển khu công nghiệp phía Đông (bao gồm đoạn đường mở mới từ gần Công Hội Đồng Quyền rẽ trái tránh cống đến đường tỉnh 871B)	1,94	thị trấn Vàm Láng, xã Kiểng Phước, xã Gia Thuận
	ĐƯỜNG NỘI THỊ GIAO THÔNG NÔNG THÔN			
7	Đường nối giữa Đ. Võ Duy Linh - ranh xã Bình Nghị (Đ. Trương Định theo QH giao thông của thị trấn Tân Hòa)	Chuyển sau năm 2020	2,76	thị trấn Tân Hòa
8	Không có	Đường cấp kênh Ba Bên	0,17	thị trấn Tân Hòa
9	Đường vào trụ sở Đảng ủy xã Tăng Hòa	Đã đề nghị xoá	0,04	xã Tăng Hòa
10	Đường kênh Cộng Đồng	Đường kênh Cộng Đồng	0,14	xã Tăng Hòa
11	Không có	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	3,58	xã Tăng Hòa
12	Không có	Đường kênh Bảy Ca	0,66	xã Tăng Hòa
13	Không có	Đường Thầy Tự	0,07	xã Tăng Hòa
14	Đường liên ấp 1-2	Chuyển sau năm 2020	0,21	xã Tân Tây
15	Không có	Đường cấp kênh Bào Châu - Xả Sách ấp 2-3-4	0,71	xã Tân Tây

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích (ha)	Địa điểm
16	Không có	Đường Tổ 6 Ấp 6	0,15	xã Tân Tây
17	Đường nối Đông kênh Xóm Gòng đến ĐH 02 (1 đoạn phía Bắc kênh Xóm Gòng 4)	Đường nối Đông kênh Xóm Gòng đến ĐH. 02 (phía Bắc kênh Xóm Gòng 4)	0,07	xã Kiểng Phước
18	Đường Mã Đông (từ đường liên ấp Xóm Chủ- Xóm Tụ đến Kênh Láng)	Đường Mã Đông (từ đường liên ấp Xóm Chủ-Xóm Tụ đến kênh Láng)	0,21	xã Kiểng Phước
19	Đường Cây Xây- Xóm Chủ- Xóm Tụ	Đường Cây Xây- Xóm Chủ- Xóm Tụ	0,65	xã Kiểng Phước
20	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	0,65	xã Kiểng Phước
21	Đường kênh Ngang Trên	Đường kênh Ngang Trên	0,23	xã Tân Thành
22	Không có	Đường vào khu tái định cư ấp Đền Đỏ - xã Tân Thành	0,15	xã Tân Thành
23	Không có	Đường vào khu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành	0,12	xã Tân Thành
24	Không có	Đường liên ấp Cầu Muống - Bà Canh - Cây Bàng	0,48	xã Tân Thành
25	Không có	Đường Bờ Rỏi (đoạn 3 từ Kênh Làng Cơi đến kênh 3)	0,22	xã Tân Điền
26	Không có	Đường kênh 1 (Ấp Bắc 1)	0,69	xã Tân Điền
27	Đường 3B ấp 6	Chuyển sau năm 2020	0,15	xã Gia Thuận
28	Không có	Đường Tám Trắc	0,05	xã Phước Trung
29	Không có	Đường cặp kênh Đầu Giồng	0,67	xã Phước Trung
30	Không có	Đường nhà thờ Lê tộc (kênh Năm Lắm)	0,04	xã Phước Trung
31	Không có	Đường Chín Trung	0,03	xã Phước Trung
32	Không có	Cầu Xóm Gòng trên đường huyện 01	0,11	xã Tân Phước
33	Bến xe khách thị trấn Tân Hòa	Chuyển sau năm 2020	0,42	Thị trấn Tân Hòa
34	Bến xe khách thị trấn Vàm Láng	Chuyển sau năm 2020	0,30	Thị trấn Vàm Láng

*** Đất thủy lợi**

Diện tích năm 2019 là 725,04 ha. Diện tích tính phân bổ 747,59 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 720,78 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 724,95 ha, chiếm 57,77% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2020 giảm 0,09 ha so với hiện trạng năm 2019 do chuyển sang đất ở nông

thôn, giảm 22,64 ha so với tình phân bổ, tăng 4,17 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

*** Đất công trình năng lượng:**

Diện tích năm 2019 là 0,19 ha. Diện tích tình phân bổ 15,95 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 15,95 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 0,19 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 15,76 ha so với tình phân bổ, giảm 15,76 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Bảng 07: Danh mục công trình đất công trình năng lượng

So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020				
STT	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích	Địa điểm
1	Nhánh rẽ mạch kép vào KCN DV Dầu khí và CCN Gia Thuận	Chuyển sau năm 2020	11,21	xã Gia Thuận
2	Trạm biến áp 110kv CCN Gia Thuận	Chuyển sau năm 2020	0,55	xã Gia Thuận
3	Nhánh rẽ vào trạm 110kv Bình Xuân	Chuyển sau năm 2020	3,16	xã Tân Đông
4	Trạm biến áp 110kv Bình Xuân	Chuyển sau năm 2020	0,55	xã Tân Đông
5	Mở rộng nhà làm việc và bảo quản vật tư thiết bị	Chuyển sau năm 2020	0,20	thị trấn Tân Hoà
6	Trạm biến thế	Chuyển sau năm 2020	0,09	thị trấn Tân Hoà

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 không có công trình thực hiện so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

*** Đất công trình bưu chính viễn thông**

Diện tích năm 2019 là 0,51 ha. Diện tích tình phân bổ 0,51 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 0,51 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 0,51 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019. Phù hợp với tình phân bổ và điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020.

*** Đất chợ**

Diện tích năm 2019 là 3,01 ha. Diện tích tình phân bổ 5,37 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 3,56 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 3,01 ha, chiếm 0,24% diện tích đất phát triển hạ tầng. Diện tích năm 2019 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 2,36 ha so với tình phân bổ, giảm 0,55 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020.

Bảng 08: Danh mục công trình đất công trình đất chợ

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích	Địa điểm
1	Chợ Tân Tây	Chuyển sau năm 2020	0,30	Xã Tân Tây
2	Chợ Gia Thuận	Chuyển sau năm 2020	0,06	Xã Gia Thuận
3	Chợ Vàm Láng	Chuyển sau năm 2020	0,15	Thị trấn Vàm Láng
4	Chợ Đền Đỏ	Chuyển sau năm 2020	0,04	Xã Tân Thành

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 không có công trình thực hiện so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

2.8. Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Diện tích đất di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện năm 2019 là 2,13 ha. Diện tích tính phân bổ 2,13 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 2,13 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 5,93 ha, chiếm 0,08% diện tích đất phi nông nghiệp. Năm 2020 tăng 3,80 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 3,80 ha so với tính phân bổ, tăng 3,80 ha so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tăng 3,80 ha sử dụng từ đất trồng lúa (3,59 ha), đất trồng cây lâu năm (0,15 ha), đất ở nông thôn (0,06 ha). Do thực hiện công trình mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định thuộc xã Gia Thuận. *(Ghi chú: Công trình này không có đăng ký trong danh mục ĐCQH đến 2020 được duyệt. Tuy nhiên trong diện tích 3,80 ha mở rộng thì có 01 ha đăng ký trong Nghị Quyết 08/2019 của HĐND tỉnh, 02 ha được UBND tỉnh chấp thuận, bổ sung 0,80 ha (trong đó 0,30 ha mở rộng bãi đỗ xe, 0,5 ha mở rộng thêm nhằm đảm bảo quân thể giữa khu Đền, khu đất công trình “Đám lá tối trời” sau khi Hiệp Hội khoa học kỹ thuật khảo sát hiện trạng).*

2.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải trên địa bàn huyện năm 2019 là 2,45 ha. Diện tích tính phân bổ 17,93 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch 2,45 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 2,45 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 15,47 ha so với tính phân bổ, phù hợp với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt.

2.10. Đất ở tại nông thôn

Diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn huyện năm 2019 là 731,12 ha. Diện tích tính phân bổ 756,22 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 740,15 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 756,04 ha, chiếm 10,51% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích năm 2020 tăng 24,92 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 0,18 ha so với tính phân bổ, tăng 15,89 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt.

Năm 2020 dự kiến số hộ tăng thêm có nhu cầu về đất ở của người dân trên địa bàn là 216 hộ. Căn cứ vào quy định của luật đất đai về định mức đất ở, căn cứ vào quỹ đất của địa phương. Kế hoạch sử dụng đất ở nông thôn trong năm 2020 bố trí đất ở cho số hộ này với định mức là 300 m²/hộ, diện tích tăng 6,49 ha. Bên cạnh đó, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất ở nông thôn còn tăng 18,63 ha do dự kiến thực hiện các khu - cụm dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ với như:

Bảng 09: Danh mục công trình khu - cụm dân cư nông thôn

STT	So sánh danh mục công trình giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt với kế hoạch sử dụng đất năm 2020			
	Danh mục công trình trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt	Danh mục công trình trong kế hoạch đến năm 2020	Diện tích	Địa điểm
1	Cụm dân cư “Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành”	Cụm dân cư “Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành”	1,67	Xã Tân Thành
2	Không có	Khu dân cư hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	11,65	Xã Gia Thuận
3	Không có	Khu tái định cư ấp Đền Đò xã Tân Thành	5,31	Xã Tân Thành

Vậy kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất ở nông thôn tăng 25,13 ha. Được sử dụng từ các loại đất như:

- + Đất trồng lúa 8,71 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm 2,11 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 1,42 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 11,43 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao 1,36 ha;
- + Đất thủy lợi 0,09 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha.

Ngoài ra, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đất ở nông thôn giảm 0,21 ha do chuyển sang đất giao thông 0,07 ha, chuyển sang đất có di tích lịch sử văn hóa 0,06 ha, chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,08 ha. Vì vậy diện tích kế hoạch năm 2020 thực tăng so với hiện trạng năm 2019 là 24,92 ha.

Phát triển cụm, tuyến dân cư:

Nhằm phát triển các tuyến, cụm dân cư tập trung gắn với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng để tạo điều kiện cho xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hóa và hiện đại hóa, tạo lực hút các hộ hiện sống rải rác và các điểm dân cư phân tán vào cụm, tuyến dân cư tập trung.

Trong kế hoạch năm 2020 dự kiến phát triển các tuyến dân cư cấp các tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B, các tuyến đường huyện, và dọc theo các tuyến đường liên xã,... Các tuyến dân cư được kết hợp với các cơ sở sản xuất kinh doanh và thương mại - dịch vụ. Tuyến dân cư cấp đường tỉnh mỗi tuyến có chiều sâu từ 70-100 m, tính từ mốc lộ giới. Tuyến dân cư cấp các đường huyện

mỗi tuyến có chiều sâu khoảng 50-70m, tính từ mốc lộ giới. Tuyến dân cư cấp đường liên xã, trục xã, giao thông thủy lợi nội đồng (có mặt đường từ 2 m trở lên) có chiều sâu mỗi tuyến từ 30-50 m. Trên các tuyến dân cư sẽ bố trí nhà ở, công trình phụ, đất canh tác nông nghiệp, chăn nuôi... kết hợp theo mô hình kinh tế VAC. Việc bố trí các tuyến dân cư phải đáp ứng được yêu cầu về an toàn giao thông đồng thời đảm bảo các điều kiện về nguồn nước, môi trường sinh thái.

2.11. Đất ở tại đô thị

Diện tích đất ở tại đô thị trên địa bàn huyện năm 2019 là 83,49 ha. Diện tích tính phân bổ 90,90 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 90,22 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 84,50 ha, chiếm 1,17% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2020 giảm 6,40 ha so với tính phân bổ, giảm 5,73 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt.

Trong năm 2020, dự kiến số hộ có nhu cầu về đất ở của người dân đô thị trên địa bàn huyện khoảng 44 hộ. Căn cứ vào quy định của Luật đất đai về định mức đất ở đô thị, căn cứ vào quỹ đất của địa phương. Kế hoạch sử dụng đất ở đô thị trong năm 2020 bố trí đất ở đô thị với định mức là 250 m²/hộ, vậy diện tích đất tăng 1,10 ha. Diện tích đất ở đô thị tăng được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,47 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,22 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,33 ha;
- + Đất trồng nuôi trồng thủy sản: 0,08 ha.

Ngoài ra trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất ở đô thị giảm 0,10 ha, do chuyển sang đất giao thông. Vì vậy, diện tích năm 2020 thực tăng 1,00 ha so với hiện trạng năm 2019.

2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện năm 2019 là 11,35 ha. Diện tích tính phân bổ 15,77 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 11,35 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 11,23 ha, chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích kế hoạch năm 2020 giảm 0,12 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 4,54 ha so với tính phân bổ, giảm 0,12 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp trên địa bàn huyện năm 2019 là 0,20 ha. Diện tích tính phân bổ 0,20 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch 0,20 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 0,32 ha, tăng 0,12 ha so với hiện trạng năm 2019, so với chỉ tiêu tính phân bổ tăng 0,12 ha, so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt tăng 0,12 ha.

2.14. Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện năm 2019 là 11,67 ha. Diện tích tính phân bổ 11,78 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 11,67 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 11,80 ha, tăng 0,02 ha so với chỉ tiêu tính phân bổ, tăng 0,13 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch năm 2020 diện tích tăng 0,13 ha so với hiện trạng năm 2019 do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn sang đất tôn giáo (chùa Hương Quang thuộc xã Tân Đông).

2.15. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trên địa bàn huyện năm 2019 là 107,88 ha. Diện tích tính phân bổ 129,65 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 120,36 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 107,88 ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2019. Giảm 21,77 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 12,49 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

2.16. Đất sinh hoạt cộng đồng

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện năm 2019 là 3,28 ha. Diện tích tính phân bổ 5,24 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 5,96 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 3,26 ha, năm 2020 tăng 0,01 ha so với hiện trạng năm 2019; giảm 1,98 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 2,69 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,01 ha được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm do dự kiến thực hiện trụ sở ấp 4 thuộc xã Tân Phước.

2.17. Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng trên địa bàn huyện năm 2019 là 9,58 ha. Diện tích tính phân bổ 102,29 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 20,18 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 9,58 ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2019, giảm 92,71 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 10,60 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

2.18. Đất cơ sở tín ngưỡng

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện năm 2019 là 12,53 ha. Diện tích tính phân bổ 12,37 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 12,53 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 12,50 ha, giảm 0,03 ha so với hiện trạng năm 2019, tăng 0,13 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 0,03 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở tín ngưỡng giảm 0,03 ha do chuyển sang đất giao thông.

2.19. Đất sông, rạch

Diện tích đất sông, rạch trên địa bàn huyện năm 2019 là 4.229,38 ha. Diện tích tính phân bổ 4.230,55 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 4.230,55 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 4.218,79 ha, chiếm 58,63% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 10,59 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 11,76 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 11,76 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 diện tích đất sông, rạch giảm 10,59 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp khác (lấp kênh cấp đê sông Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Gốc đến kênh Rạch Sâu) và chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

2.20. Đất phi nông nghiệp khác

Diện tích đất phi nông nghiệp khác trên địa bàn huyện năm 2019 là 2,26 ha. Diện tích tính phân bổ 74,20 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 85,37 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 2,74 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích năm 2020 tăng 0,48 ha so với hiện trạng năm 2019, giảm 71,46 ha so chỉ tiêu tính phân bổ, giảm 82,63 ha so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

Kế hoạch năm 2020 đất phi nông nghiệp khác tăng 0,48 ha chủ yếu do lấp kênh cấp đê Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Gốc đến kênh rạch Sâu trên địa bàn xã Tân Thành.

3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện năm 2019 là 1.407,55 ha. Diện tích tính phân bổ 1.407,55 ha, diện tích điều chỉnh quy hoạch được duyệt 1.407,55 ha. Diện tích trong kế hoạch năm 2020 là 1.407,55 ha, chiếm 5,15% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích năm 2020 không thay đổi so với hiện trạng năm 2019. Phù hợp với chỉ tiêu tính phân bổ và chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

II. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

1. Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp

Diện tích chuyển mục đích sử dụng trong năm 2020 là 166,09ha, trong đó: từ đất trồng lúa 22,05 ha; đất trồng cây hàng năm khác 6,98 ha; đất trồng cây lâu năm 6,87 ha; đất rừng phòng hộ 118,19 ha; đất nuôi trồng thủy sản 11,99 ha.

Phân theo đơn vị hành chính cấp xã: Thị trấn Tân Hòa: 1,90 ha; thị trấn Vàm Láng: 1,34 ha; xã Tăng Hòa: 5,30 ha; xã Tân Phước: 1,61 ha; xã Gia Thuận: 134,89 ha; xã Tân Tây: 3,09 ha; xã Kiểng Phước: 2,76 ha; xã Tân Đông: 2,68 ha; xã Bình Ân: 0,83; xã Tân Điền: 1,58 ha; xã Bình Nghị: 0,95ha; xã Phước Trung: 1,64 ha; xã Tân Thành: 7,52 ha.

2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Trong năm kế hoạch 2020 chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp bao gồm:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác: 106,50 ha.
- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 109,00 ha.
- Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác: 0,25 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 5,05 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác: 0,45 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác: 0,31 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất nông nghiệp khác: 3,01 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 1,45 ha.

Được phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác: Thị trấn Tân Hòa: 14,00 ha; thị trấn Vàm Láng: 0,50 ha; xã Tăng Hòa: 15,00 ha; xã Tân Phước: 9,00 ha; xã Gia Thuận: 2,00 ha; xã Tân Tây: 12,00 ha; xã Kiểng Phước:

6,00 ha; xã Tân Đông: 12,00 ha; xã Bình Ân: 2,00 ha; xã Tân Điền: 2,00 ha; xã Bình Nghị: 12,00 ha; xã Phước Trung: 10,00 ha; xã Tân Thành: 10,00 ha.

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: Thị trấn Tân Hòa: 1,00 ha; thị trấn Vàm Láng: 1,50 ha; xã Tăng Hòa: 10,00 ha; xã Tân Phước: 3,50 ha; xã Gia Thuận: 2,00 ha; xã Tân Tây: 12,00 ha; xã Kiểng Phước: 15,00 ha; xã Tân Đông: 4,00 ha; xã Bình Ân: 10,00 ha; xã Tân Điền: 10,00 ha; xã Bình Nghị: 15,00 ha; xã Phước Trung: 10,00 ha; xã Tân Thành: 15,00 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm: Thị trấn Tân Hòa: 0,50 ha; thị trấn Vàm Láng: 0,35 ha; xã Gia Thuận: 1,50 ha; xã Tân Tây: 0,50 ha; xã Kiểng Phước: 1,00 ha; xã Tân Đông: 0,15 ha; xã Bình Ân: 0,25 ha; xã Tân Điền: 0,35 ha; xã Bình Nghị: 0,25 ha; xã Tân Thành: 0,20 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: xã Tân Thành: 1,45 ha.

III. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2020 là 144,77 ha, trong đó thu hồi đất nông nghiệp (141,31 ha) và đất phi nông nghiệp (3,46 ha), bao gồm:

Thu hồi các loại đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: 12,87 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 4,65 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 5,12 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 118,19 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,48 ha;

Thu hồi các loại đất phi nông nghiệp:

- Đất khu công nghiệp: 0,78 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 0,08 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,18 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 1,96 ha;
- Đất ở nông thôn: 0,21 ha;
- Đất ở đô thị: 0,10 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,12 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,01 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,03 ha.

Phân theo đơn vị hành chính cấp xã: Thị trấn Tân Hòa: 1,58 ha; thị trấn Vàm Láng: 0,55 ha; xã Tăng Hòa: 4,78 ha; xã Tân Phước: 0,87 ha; xã Gia Thuận: 122,91 ha; xã Tân Tây: 2,33 ha; xã Kiểng Phước: 1,94 ha; xã Tân Đông: 2,14 ha; xã Bình Ân: 0,30 ha; Tân Điền: 1,19 ha; xã Bình Nghị: 0,36 ha; xã Phước Trung: 1,09 ha; xã Tân Thành: 1,25 ha.

IV. Danh mục các công trình dự án trong năm 2020

Bảng 10: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH								
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh								
<i>I.1</i>	<i>Đất quốc phòng</i>								
<i>I.2</i>	<i>Đất an ninh</i>								
II	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	65,55		65,55	3,59	61,96			
<i>II.1</i>	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>61,75</i>		<i>61,75</i>		<i>61,75</i>			
	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	61,75		61,75		61,75	xã Gia Thuận	Phía Đông giáp sông Soài Rạp; Phía Tây giáp kênh Ngang; Phía Nam giáp Mương Cai; Phía Bắc giáp kênh Hội Đồng Quyền	Mời gọi đầu tư
<i>II.2</i>	<i>Đất phát triển hạ tầng</i>								
<i>II.3</i>	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>3,80</i>		<i>3,80</i>	<i>3,59</i>	<i>0,21</i>			
	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	3,80		3,80	3,59	0,21	xã Gia Thuận	Thửa 80; 104; 128; 328; 145; 146; 105; 96; 89; 80; 196; 201; 138; 372; 373; 374; 148; 163; 336; 130; 139 tờ BĐ19	Ngân sách nhà nước
B	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CẤP HUYỆN								
I	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,01		0,01		0,01			

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa	Đất khác			
	Trụ sở ấp 4	0,01		0,01		0,01	xã Tân Phước	Thửa 181 tờ TPC4	Ngân sách nhà nước
II	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,12		0,12		0,12			
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Gò Công Đông (Thửa 177; 189 tờ BĐ 9)	0,12		0,12		0,12	xã Bình Nghi	Thửa 177; 1789 tờ BĐ 9	Ngân sách nhà nước
III	Đất phát triển hạ tầng	14,10		14,10	6,90	7,21			
III.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,26		0,26		0,26			
	Trung tâm văn hoá thể thao thị trấn Vàm Láng (xây dựng trên đất sân vận động)	0,26		0,26		0,26	thị trấn Vàm Láng	Thửa 85 tờ BĐ5	Ngân sách nhà nước
III.2	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	1,45		1,45		1,45			
1	Trường tiểu học Tân Hòa	1,20		1,20		1,20	thị trấn Tân Hòa	Thửa 214 tờ BĐ16 (Vláp)	Ngân sách nhà nước
2	Trường THCS Đoàn Hồng Phước	0,25		0,25		0,25	thị trấn Vàm Láng	Thửa 86 tờ BĐ5	Ngân sách nhà nước
III.3	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	0,20		0,20		0,20			
	Hồ bơi thị trấn Vàm Láng (sử dụng đất sân vận động cũ)	0,20		0,20		0,20	thị trấn Vàm Láng		Ngân sách nhà nước
III.4	Đất giao thông	12,19		12,19	6,90	5,30			
1	Đường huyện 01 (đường liên xã Tân Trung- Tân Phước đoạn từ cầu Gò Xoài đến ngã tư Tân Phước (ĐT873B))	0,54		0,54	0,25	0,29	xã Tân Phước		Ngân sách nhà nước
2	Mở rộng đường huyện 10 và cầu phục vụ phát triển khu công nghiệp phía Đông (bao gồm đoạn đường mở mới từ gần Công Hội Đồng Quyền rẽ trái tránh cống đến đường tỉnh 871B)	1,94		1,94	0,22	1,72	thị trấn Vàm Láng; xã Kiểng Phước, Gia Thuận		Ngân sách nhà nước

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
3	Đường cấp kênh Ba Bên	0,17		0,17	0,04	0,13	thị trấn Tân Hòa	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
4	Đường cấp kênh Bào Châu - Xá Sách ấp 2-3-4	0,71		0,71	0,51	0,20	xã Tân Tây	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
5	Đường Tổ 6 Ấp 6	0,15		0,15	0,11	0,05	xã Tân Tây	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
6	Đường Tám Trắc	0,05		0,05	0,05		xã Phước Trung	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
7	Đường cấp kênh Đầu Giồng	0,67		0,67	0,18	0,49	xã Phước Trung	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
8	Đường nhà thờ Lê Tộc (kênh Năm Lắm)	0,04		0,04	0,04		xã Phước Trung	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
9	Đường Chín Trung	0,03		0,03	0,03		xã Phước Trung	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
10	Đường kênh Cộng Đồng	0,14		0,14	0,10	0,04	xã Tăng Hòa	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
11	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	3,58		3,58	3,58		xã Tăng Hòa	Ngân sách nhà nước	
12	Đường kênh Bảy Ca	0,66		0,66	0,43	0,23	xã Tăng Hòa	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
13	Đường Thầy Tự	0,07		0,07	0,07		xã Tăng Hòa	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
14	Đường kênh Ngang Trên	0,23		0,23	0,09	0,14	xã Tân Thành	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
15	Đường vào khu bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng (ấp Cầu Muống - xã Tân Thành)	0,12		0,12		0,12	xã Tân Thành	Ngân sách nhà nước	
16	Đường liên ấp Cầu Muống - Bà Canh - Cây Bàng	0,48		0,48	0,32	0,16	xã Tân Thành	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
17	Đường Bờ Rỏi (đoạn 3 từ Kênh Làng Cơi đến kênh 3)	0,22		0,22	0,17	0,05	xã Tân Điền	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
18	Đường kênh 1 (Áp Bắc 1)	0,69		0,69	0,12	0,57	xã Tân Điền	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
19	Đường nối Đông kênh Xóm Gòng đến ĐH. 02 (phía Bắc kênh Xóm Gòng 4)	0,07		0,07	0,06	0,01	xã Kiểng Phước	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
20	Đường Mã Đông (từ đường liên ấp Xóm Chủ- Xóm Tụ đến kênh Láng)	0,21		0,21	0,12	0,09	xã Kiểng Phước	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
21	Đường Cây Xây- Xóm Chủ- Xóm Tụ	0,65		0,65	0,21	0,44	xã Kiểng Phước	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
22	Đường liên ấp Cầu Xây- Xóm Rẫy	0,65		0,65	0,20	0,45	xã Kiểng Phước	Ngân sách nhà nước và nhân dân cùng làm	
23	Cầu Xóm Gòng trên đường huyện 01	0,11		0,11		0,11	xã Tân Phước	Ngân sách nhà nước	

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
IV	Đất phi nông nghiệp khác	0,48		0,48	0,48				
	Đất dự trữ (lắp kênh cặp đê sông Cửa Tiểu - đoạn từ rạch Góc đến kênh Rạch Sâu)	0,48		0,48		xã Tân Thành	Điểm đầu: Rạch Góc; Điểm cuối: Rạch Sâu	Ngân sách nhà nước	
V	Đất khu - cụm dân cư kết hợp thương mại dịch vụ	18,62		18,62	4,90 13,72				
1	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với cụm công nghiệp Gia Thuận 1	11,65		11,65		xã Gia Thuận	Phía Đông giáp cụm công nghiệp Gia Thuận 1 ; phía Tây giáp đường huyện 10; phía Nam giáp kênh Hội Đồng Quyền	Ngân sách nhà nước; Mời gọi đầu tư	
2	Khu tái định cư ấp Đền Đò xã Tân Thành	5,31		5,31	4,90	0,41	xã Tân Thành	Phía Bắc giáp thửa 134; 133 tờ BĐ 67; Phía Nam và Nam giáp Rạch Góc; Phía Tây giáp thửa 177 tờ BĐ 67	Ngân sách nhà nước
3	Cụm dân cư "Bố trí dân cư vùng thiên tai sạt lở bờ biển, nước biển dâng khu vực xã Tân Thành"	1,67		1,67		1,67	xã Tân Thành	Thửa 247; 170; 212 tờ BĐ 59 và thửa 98 tờ BĐ 60	Ngân sách nhà nước
VI	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất	63,46		63,46	2,39 61,07				
VI.1	Đất thương mại dịch vụ	59,17		59,17	0,32 58,85				
1	Đất thương mại dịch vụ và đất ở cấp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,..đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	1,73		1,73	0,32	1,41	các xã, thị trấn		
2	Dự án trong lĩnh vực bến cảng - Tổng kho xăng dầu - khí hoá lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ	56,44		56,44		56,44	xã Gia Thuận	Phía Bắc giáp Mương Ngay; Phía Nam giáp Mương Đình; Phía Tây giáp ĐH10	Mời gọi đầu tư
3	Khu thương mại - dịch vụ Tân Tây	1,00		1,00		1,00	xã Tân Tây	ấp 1 - xã Tân Tây	Mời gọi đầu tư

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa	Đất khác			
VI.2	Đất cơ sở sản xuất, phi nông nghiệp	4,29		4,29	2,07	2,22			
1	Đất sản xuất kinh doanh và đất ở cặp tuyến đường tỉnh 862, 871, 871B, 871C, 873B,...đường huyện 01, 02, 03, 04, 05, 05B, 06, 07, 08, 08B, 09, 10..	2,49		2,49	0,27	2,22	các xã, thị trấn		
2	Công ty Phú Đạt	1,80		1,80	1,80		xã Tân Đông	Thửa 101; 116; 117; 122; 123 tờ BĐ 8	Doanh nghiệp
VII	Đất nông nghiệp khác	4,02		4,02	0,25	3,77			
1	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	3,01		3,01		3,01	xã Kiểng Phước	Thửa 274 tờ BĐ 48	
2	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (nuôi chim yến)	0,20		0,20	0,05	0,15	xã Bình Nghị		
3	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (nuôi chim yến)	0,20		0,20	0,05	0,15	xã Bình Ân		
4	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (nuôi chim yến)	0,20		0,20	0,05	0,15	xã Tân Đông		
5	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (nuôi chim yến)	0,20		0,20	0,05	0,15	xã Phước Trung		
6	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (nuôi chim yến)	0,21		0,21	0,05	0,16	xã Tăng Hoà		
VIII	Đất cơ sở tôn giáo	0,12		0,12		0,12			
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất tôn giáo (Chùa Hương Quang; thuộc thửa đất 345 tờ bản đồ 16)	0,12		0,12		0,12	xã Tân Đông	Thửa đất 345 tờ bản đồ 16	

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
IX	Các thửa đất dự kiến đấu giá, chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông	9,51		9,51	4,64	4,86			
IX.1	Đấu giá, chuyển sang đất ở	7,14		7,14	2,32	4,81			
*	TT. Vàm Láng	0,07		0,07		0,07			
I	Tờ 4 thửa 78 (hiện trạng đất PNK cấp ĐT 871)	0,01		0,01		0,01			
2	Tờ 4 thửa 37	0,01		0,01		0,01	Khu phố 3		
3	Tờ 31 thửa 155	0,06		0,06		0,06	Khu phố Chợ 2		
*	TT. Tân Hòa	0,03		0,03		0,03			
1	Tờ 15 thửa 323	0,01		0,01		0,01	Khu phố Hòa Thơm 2		
2	Tờ 15 thửa 531	0,02		0,02		0,02	Khu phố Hòa Thơm 2		
*	xã Tân Phước	0,52		0,52		0,52			
	Tờ TPC1 thửa 3122 (hiện trạng UB quản lý)	0,52		0,52		0,52			
*	xã Gia Thuận	5,19		5,19	2,32	2,87			
	Tờ GTC thửa 8 (hiện trạng UB quản lý)	0,17		0,17		0,17			
*	xã Tân Thành	0,83		0,83		0,83			
1	Tờ 3 thửa 69 (hiện trạng đất giáo dục)	0,05		0,05		0,05			
2	Tờ 28 thửa 98 (hiện trạng đất giáo dục)	0,04		0,04		0,04			
3	Tờ 6 thửa 1574 (hiện trạng đất UB quản lý)	0,73		0,73		0,73			
*	xã Tân Diên	0,28		0,28		0,28			
1	Tờ 15 thửa 90	0,16		0,16		0,16	ấp Rạch Bùn		

Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nguồn vốn	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa				Đất khác
2	Tờ 15 thửa 101	0,11		0,11		0,11	ấp Rạch Bùn		
*	xã Bình Ân	0,22		0,22		0,22			
1	Tờ 10 thửa 180	0,13		0,13		0,13	ấp Kênh Trên		
2	Tờ 18 thửa 43	0,10		0,10		0,10	ấp Gò Me		
IX.2	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở	2,37		2,37	2,32	0,05			
*	xã Tân Tây	2,32		2,32	2,32				
1	Nguyễn Văn Kiệp (chuyên CLN; Tờ 23 thửa 848)	0,18		0,18	0,18		ấp 1	Tờ 23 thửa 848	
2	Nguyễn Văn Kiệp (chuyên CLN; Tờ 23 thửa 849)	0,20		0,20	0,20		ấp 1	Tờ 23 thửa 849	
3	Ngô Kế Toàn (HNK+ONT; Tờ 16 thửa 88)	0,34		0,34	0,34		ấp 5	Tờ 16 thửa 88	
4	Ngô Kế Toàn (HNK+ONT; Tờ 16 thửa 635)	0,78		0,78	0,78		ấp 5	Tờ 16 thửa 635	
5	Đoàn Thị Mến (HNK+ONT; Tờ 02 thửa 3840)	0,25		0,25	0,25		ấp 5	Tờ 02 thửa 3840	
6	Lê Văn Hoàng (HNK+ONT; Tờ 10 thửa 178)	0,08		0,08	0,08		ấp 5	Tờ 10 thửa 178	
7	Lê Văn Hoàng (HNK+ONT; Tờ 01 thửa 1981)	0,08		0,08	0,08		ấp 5	Tờ 01 thửa 1981	
8	Nguyễn Văn Hào (HNK+ONT; Tờ 16 thửa 597)	0,11		0,11	0,11		ấp 5	Tờ 16 thửa 597	
9	Nguyễn Phương Yến (HNK; Tờ 25 thửa 304)	0,21		0,21	0,21		ấp 5	Tờ 25 thửa 304	
10	Nguyễn Văn Hưng (Tờ 24 thửa 427)	0,10		0,10	0,10		ấp 1	Tờ 24 thửa 427	
	xã Tân Điền	0,05		0,05		0,05			
1	Hà Phú Nhã (Tờ 15 thửa 163)	0,03		0,03		0,03		Tờ 15 thửa 163	
2	Thái Hoàng Toàn (Tờ 15 thửa 131)	0,02		0,02		0,02		Tờ 15 thửa 131	

PHẦN II

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2020. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

I. GIẢI PHÁP VỀ TUYÊN TRUYỀN

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai đến từng người dân. Thực hiện cải cách các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa liên thông”, giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thông báo đến các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để công bố kế hoạch sử dụng đất và công khai kế hoạch sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân huyện, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên panô - áp phích, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

II. GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, GIẢM THIỂU, THÍCH ỨNG TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NƯỚC BIỂN DÂNG

Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện khuyến cáo nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do sản xuất nông nghiệp sử dụng ngày càng nhiều thuốc bảo vệ thực vật. Tuyên truyền người dân sử dụng đất nâng cao độ phì nhiêu của đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện, tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường, nâng cao năng lực của bộ máy nhà nước về quản lý môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, trong các khu vực dân cư nông thôn. Đặc biệt trong thời gian tới công tác quản lý môi trường cần quan tâm sâu sắc ở các khu, cụm công nghiệp đang hình thành trên địa bàn của huyện.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Tuyên truyền phổ biến sâu rộng về tác động của biến đổi khí hậu đến nhân dân trong huyện để tự giác, chủ động phòng chống.

Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để ứng phó chủ động, giảm thiểu thiệt hại.

Lắp đặt hệ thống quan trắc, cảnh báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với nông nghiệp, nông thôn ở những khu vực nhạy cảm thuộc vùng ven biển, cửa sông.

Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống đê biển, đê sông, hệ thống cống điều tiết và các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo đời sống của nhân dân.

III. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC, VỐN ĐẦU TƯ

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng tầm cán bộ theo dõi và thực hiện quy hoạch đồng thời bố trí đủ cán bộ thực hiện quy hoạch đặc biệt là ở cấp huyện và xã. Qua các khóa đào tạo nhằm phát triển năng lực của cán bộ ở đúng vị trí, mang lại hiệu quả công việc cao.

Phòng Tài chính kế hoạch tham mưu UBND huyện thực hiện tốt các giải pháp huy động nguồn vốn như: Tranh thủ nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách của trung ương, tỉnh,... để đầu tư xây dựng các công trình dự án trong năm kế hoạch. Đây mạnh khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện đầu tư hoặc liên kết, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Trong đó chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép đầu tư, đền bù giải tỏa,... hỗ trợ các doanh nghiệp nông nghiệp trong quá trình đối tác với nông dân liên kết xây dựng và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh.

Phòng Tài nguyên và môi trường, Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phối hợp với các ban ngành, UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch tăng cường các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

UBND cấp xã thực hiện các giải pháp vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng như: đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, sinh hoạt cộng đồng,...

Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện. Có kế hoạch đầu tư các công trình trọng điểm, không dàn trải và có tính hữu dụng cao.

IV. GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

UBND huyện cần thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn; các ban, ngành cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và hộ gia đình cá nhân sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chỉ đạo, hướng dẫn các ban ngành, UBND các xã thực hiện một số nội dung sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các ban ngành và UBND các xã trong việc xây dựng chương trình, công tác cụ thể và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được công bố. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trên địa bàn huyện trong việc thực hiện kế hoạch năm 2020. Đồng thời báo cáo định kỳ về UBND huyện về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020.

- Các ban ngành huyện: Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND các xã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện. Đồng thời căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt các ban, ngành huyện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy hoạch kế hoạch của ngành mình thống nhất với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

- Các ngành, UBND các xã: Thực hiện cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đầu tư cải tạo làm tăng độ màu mỡ, bảo vệ môi trường sinh thái. Hàng năm nếu có nhu cầu thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất phải thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất, thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, thực hiện giám sát và phản ánh các trường hợp sai phạm trong lập, công bố kế hoạch sử dụng đất và kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng đất.

V. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện cần tổ chức triển khai thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020:

+ Đến các phòng ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Và tại Ủy ban nhân dân huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường trong suốt thời gian kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực.

Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng kế hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Gò Công Đông
phạm vi ranh giới hành chính xã, thị trấn mình quản lý nhằm thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra với vai trò là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì phối hợp với các phòng ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung của kế hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả cao.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương và căn cứ vào điều tra đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước đồng thời là cơ sở để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đã nghiên cứu toàn diện về những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được phê duyệt và xác định những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 xác định được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh, là căn cứ để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất, phát huy nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Kết quả việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 xác định được ranh giới trên bản đồ, chi tiết hiện trạng sử dụng các loại đất, cụ thể từng dự án trên bản đồ,... Vì vậy, sẽ có nhiều thuận lợi trong quản lý đất đai, xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cập nhật biến động đất đai. Tham mưu, đề xuất với các ngành, cấp trên.

Phương án kế hoạch sử dụng đất về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2020, đảm bảo tính kế thừa, có cơ sở khoa học và mang tính khả thi.

II. KIẾN NGHỊ

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường sớm tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất để địa phương đủ căn cứ tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật và hiệu quả hơn.